

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH
KHOÁ 13

Tên chương trình : Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
Trình độ đào tạo : Đại học (Cử nhân)
Ngành đào tạo : Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
(Tourism and travel management)
Mã ngành : 7810103
Hình thức đào tạo : Chính quy

Hải Dương, 2022

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu	Chữ viết đầy đủ
1	CDR	Chuẩn đầu ra
2	CTĐT	Chương trình đào tạo
3	TC	Tín chỉ

MỤC LỤC

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
A. GIỚI THIỆU CHUNG	1
I. Thông tin chung về CTĐT	1
II. Tầm nhìn - Sứ mạng - Chính sách chất lượng - Triết lý giáo dục	2
B. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	3
I. Mục tiêu đào tạo.....	3
1.1. Mục tiêu chung	3
1.2. Mục tiêu cụ thể	3
1.2.1. Kiến thức.....	3
1.2.2. Kỹ năng.....	3
1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm.....	4
1.2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp.....	4
II. Chuẩn đầu ra	4
2.1. Kiến thức.....	4
2.2. Kỹ năng.....	5
2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm	5
III. Nội dung chương trình đào tạo.....	5
IV. Ma trận tích hợp học phần với chuẩn đầu ra CTĐT.....	9
V. Tiến trình đào tạo	13
VI. Nội dung các học phần.....	14
6.1. Mô tả học phần	14
6.2. Đề cương chi tiết học phần	28

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 425/QĐ-ĐHSD, ngày 10 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sao Đỏ)

A. GIỚI THIỆU CHUNG

I. Thông tin chung về CTĐT

1. Tên CTĐT: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (Tourism and travel management)

2. Mã ngành đào tạo: 7810103

3. Trường cấp bằng: Trường Đại học Sao Đỏ

4. Thông tin chứng nhận kiểm định chất lượng: Trường Đại học Sao Đỏ được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục trực thuộc Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam (CEA-AVU&C) công nhận Trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

5. Tên gọi văn bằng: Cử nhân ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

6. Trình độ đào tạo: Đại học (Cử nhân)

7. Số tín chỉ yêu cầu: 146 tín chỉ (không bao gồm học phần điều kiện và học phần tự chọn tùy ý).

8. Khoa quản lý: Khoa Du lịch và Ngoại ngữ

9. Hình thức đào tạo: Chính quy

10. Thời gian đào tạo: 4 năm

11. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

12. Thang điểm đánh giá: Sử dụng thang điểm 10 được quy đổi thành thang điểm 4 và điểm chữ.

13. Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ đại học (phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ, hình thức đào tạo chính quy) và các văn bản hiện hành, được cụ thể hóa theo quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Sao Đỏ.

14. Học tập nâng cao trình độ: Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ trong quá trình công tác và tiếp tục theo học các CTĐT trình độ cao hơn như: thạc sĩ, tiến sĩ ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

15. Chương trình tham khảo:

[1]. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam (2021), *Chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành*.

[2]. Trường Đại học Khoa học Xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam (2017), *Chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành*.

[3]. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam (2019), *Chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành*.

[4]. Trường Đại học Huế, Việt Nam (2021), *Chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành*.

[5]. Trường Đại học Nha Trang, Việt Nam (2020), *Chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành*.

[6]. Trường Đại học Anh quốc Việt Nam (2019), *Chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn*.

[7]. Chuẩn VTOS (Vietnam Tourism Occupational Skills Standards): <https://vietnamtourism.gov.vn/>.

16. Thời điểm cập nhật: Tháng 9 năm 2022.

II. Tầm nhìn - Sứ mạng - Chính sách chất lượng - Triết lý giáo dục - Giá trị văn hoá cốt lõi

2.1. Tầm nhìn - 2030

Phát triển Nhà trường theo định hướng đại học ứng dụng. Ưu tiên đầu tư trọng tâm, trọng điểm các ngành kỹ thuật truyền thống của Nhà trường thành ngành mũi nhọn. Đẩy mạnh hoạt động: Sáng tạo khoa học kỹ thuật - Nâng cao năng lực thực hành - Ứng dụng chuyển giao công nghệ phù hợp với tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghiệp lần thứ tư.

2.2. Sứ mạng - 2025

Đào tạo gắn với nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ. Học đi đôi với hành, lý thuyết gắn với thực tế, Nhà trường gắn với doanh nghiệp. Sinh viên ra trường có sức khỏe; năng lực và kỹ năng toàn diện; tự tin, sáng tạo; có việc làm thu nhập ổn định và cơ hội thăng tiến.

2.3. Chính sách đảm bảo chất lượng giai đoạn 2021-2025

2.3.1. Thực hiện thành công sứ mạng của Nhà trường trên nền tảng: sinh viên tốt nghiệp ra trường có việc làm phù hợp với chuyên môn được đào tạo, thu nhập ổn định ở từng vị trí làm việc, có khả năng phát triển bản thân.

2.3.2. Tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tác phong; phát huy tính tích cực, trách nhiệm của từng cá nhân, đơn vị với mục tiêu: “hướng tới người học, vì người học”. Đổi mới mạnh mẽ phương pháp giảng dạy theo quan điểm: “lấy kiến thức cơ bản làm nền tảng, kiến thức mở rộng là cần thiết, kiến thức ứng dụng là quan trọng” đáp ứng chuẩn đầu ra.

2.3.3. Xây dựng đề án mở ngành học mới theo nhu cầu xã hội và định hướng phát triển Nhà trường. Đầu tư trang thiết bị hiện đại, đẩy mạnh hoạt động sáng tạo khoa học kỹ thuật - nâng cao năng lực thực hành - ứng dụng chuyển giao công nghệ phù hợp với tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghiệp lần thứ tư để Nhà trường không chỉ là nơi phổ biến tri thức, dạy sinh viên cách tiếp cận công nghệ mà là nơi tạo ra tri thức, tạo ra công nghệ.

2.3.4. Nâng cao năng lực quản trị đại học; tăng cường công tác kiểm tra giám sát, ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện thông minh hóa trong công tác quản lý cán bộ, quản lý sinh viên, quản lý một số hoạt động đào tạo, quản lý công việc theo kết

quả đầu ra; từng bước xây dựng trường học thông minh góp phần xây dựng thành phố thông minh.

2.3.5. Duy trì vận hành hệ thống quản lý chất lượng (Quality Management Systems - QMS) theo TCVN ISO 9001:2015; tiếp tục thực hiện tự đánh giá chất lượng và kiểm định chương trình đào tạo trình độ đại học; tái kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học theo bộ tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo vào năm 2023.

2.4. Triết lý giáo dục

Chất lượng toàn diện - Hợp tác sâu rộng - Phát triển bền vững.

2.5. Giá trị văn hoá cốt lõi

Thực học - Thực hành - Thực chung - Thực tâm - Thực nghiệp - Thực tiến.

B. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành có phẩm chất đạo đức, chính trị vững vàng; có sức khỏe tốt; có kiến thức tổng quan về các lĩnh vực kinh tế - xã hội, văn hóa - lịch sử, địa lí, môi trường; có kiến thức toàn diện về kinh tế du lịch, quản trị du lịch và lữ hành; có khả năng tổ chức, quản lý và kinh doanh các dịch vụ du lịch; có khả năng tự học và sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp; có kỹ năng làm việc hiệu quả, thích ứng với các điều kiện làm việc; có trách nhiệm với bản thân, xã hội.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

1.2.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

1.2.1.1a. Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội - nhân văn, khoa học chính trị, pháp luật, kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

1.2.1.1b. Có kiến thức cơ bản về toán học, tin học và ngoại ngữ để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

1.2.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

1.2.1.2a. Có kiến thức cơ bản về quản lý kinh tế, quản trị kinh doanh và kinh doanh du lịch (nghề nghiệp du lịch, kinh tế du lịch, văn hóa, lịch sử, địa lí...).

1.2.1.2b. Có kiến thức chuyên sâu trong hoạt động kinh doanh du lịch, quản trị khách sạn, nhà hàng, tổ chức sự kiện và quản trị lữ hành.

1.2.2. Kỹ năng

1.2.2.1. Có kỹ năng lập kế hoạch, quản lý, điều hành và giám sát các hoạt động nghiệp vụ trong các đơn vị kinh doanh du lịch và lữ hành, trong các đơn vị quản lý nhà nước về du lịch.

1.2.2.2. Có khả năng tham gia điều chỉnh và thực hiện các chiến lược, dự án, kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp cũng như chính sách phát triển tại các đơn vị quản lý nhà nước về du lịch.

1.2.2.3. Có kỹ năng giao tiếp, nắm bắt tâm lý khách hàng; có khả năng biểu đạt

và thuyết trình trước mọi người.

1.2.2.4. Có năng lực ngoại ngữ tiếng Anh hoặc tiếng Trung Quốc hoặc tiếng Nhật để nghiên cứu các vấn đề chuyên môn, giao tiếp, ứng xử, giải quyết công việc với đồng nghiệp, chuyên gia nước ngoài.

1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

1.2.3.1. Có năng lực làm việc, nghiên cứu độc lập, sáng tạo, làm việc theo nhóm và biết chịu trách nhiệm trong công việc. Có khả năng thích ứng kịp thời với những thay đổi điều kiện làm việc.

1.2.3.2. Có năng lực hướng dẫn, dẫn dắt chuyên môn để giải quyết các lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp.

1.2.3.3. Có năng lực định hướng, lập kế hoạch, tổ chức quản lý, giám sát và thực hiện công việc và có năng lực đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

1.2.4. Vị trí làm việc của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Sinh viên ra trường đảm nhận được các vị trí công việc như: Chuyên viên, cán bộ quản lý điều hành tại các cơ sở lưu trú, nhà hàng, đơn vị tổ chức sự kiện, đơn vị lữ hành; hướng dẫn viên du lịch; chuyên viên, cán bộ quản lý tại các cơ quan văn hóa, du lịch; tự tạo doanh nghiệp; làm công tác giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu và theo học ở các trình độ cao hơn.

II. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

2.1.1. Hiểu được những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật, quốc phòng và an ninh, giáo dục thể chất để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

2.1.2. Vận dụng được kiến thức khoa học xã hội - nhân văn, toán học và ngoại ngữ để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

2.1.3. Trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2.1.4. Hiểu và diễn giải được các đặc trưng của kinh tế học, kinh tế du lịch, đặc điểm phát triển ngành nghề du lịch để giải quyết vấn đề trong hoạt động chuyên môn.

2.1.5. Vận dụng các kiến thức pháp luật, văn hóa, lịch sử, địa lý, môi trường, phát triển bền vững, kinh tế du lịch, nghiệp vụ lữ hành trong phân tích, đánh giá tiềm năng, hiệu quả kinh tế và triển khai các hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành.

2.1.6. Tổng hợp các kiến thức quản trị kinh doanh du lịch để tổ chức hoạt động quản trị, quản lý và điều hành các đơn vị kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành, các đơn vị quản lý nhà nước về du lịch.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Phân tích được các vấn đề kinh tế, chính sách du lịch để lập kế hoạch, quản lý và điều hành các bộ phận nghiệp vụ trong đơn vị kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành, đơn vị quản lý nhà nước về du lịch.

2.2.2. Lập kế hoạch và điều hành chương trình du lịch, bán và marketing trong các doanh nghiệp du lịch và lữ hành.

2.2.3. Đánh giá được môi trường, hiệu quả kinh doanh, lợi thế phát triển để giải quyết được các vấn đề trong quản trị, quản lý, kinh doanh hoạt động dịch vụ du lịch và lữ hành.

2.2.4. Linh hoạt trong quản lý, xử lý được các tình huống trong tổ chức, thực hiện nghiệp vụ du lịch và lữ hành.

2.2.5. Hợp tác, thích ứng, phát triển các ý tưởng kinh doanh và lập nghiệp trong ngành du lịch và lữ hành.

2.2.6. Năng lực ngoại ngữ tiếng Anh hoặc tiếng Trung Quốc hoặc tiếng Nhật đạt bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

2.3.1. Có sức khỏe, năng lực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, tự chịu trách nhiệm trước bản thân, nhóm. Có khả năng thích ứng với mọi sự thay đổi của môi trường công việc.

2.3.2. Có năng lực hướng dẫn, giám sát người khác cùng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

2.3.3. Tự định hướng, đưa ra kết luận và bảo vệ quan điểm cá nhân trong các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp du lịch.

2.3.4. Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các hoạt động chuyên môn và đánh giá, cải thiện hiệu quả kết quả công việc.

III. Nội dung chương trình đào tạo

A. HỌC PHẦN KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG VÀ GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
3.1		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	52		
3.1.1		Lý luận chính trị	11	11	0
1.	CTRI 004	Triết học Mác - Lênin	3	3	0
2.	CTRI 002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0
3.	CTRI 001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
4.	CTRI 003	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0
5.	CTRI 005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
3.1.2		Khoa học xã hội - nhân văn	8	8	0
3.1.2.1		Phần bắt buộc	6	6	0
6.	KHXH 006	Pháp luật đại cương	2	2	0
7.	VNH 043	Lịch sử văn minh thế giới	2	2	0

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
8.	VNH 001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	0
3.1.2.2		Phần tự chọn có hướng dẫn (<i>chọn 1 trong 2 học phần sau</i>)	2	2	0
9.	KHXH 007	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
10.	KHXH 002	Khởi nghiệp kinh doanh	2	2	0
3.1.3		Ngoại ngữ (<i>chọn 1 trong 3 ngoại ngữ</i>)	8	8	0
3.1.3.1		Tiếng Anh	8	8	0
11.	TANH 029	Tiếng Anh căn bản 1	2	2	0
12.	TANH 030	Tiếng Anh căn bản 2	3	3	0
13.	TANH 031	Tiếng Anh căn bản 3	3	3	0
3.1.3.2		Tiếng Trung Quốc	8	8	0
14.	TTRUNG 015	Tiếng Trung căn bản 1	2	2	0
15.	TTRUNG 016	Tiếng Trung căn bản 2	3	3	0
16.	TTRUNG 017	Tiếng Trung căn bản 3	3	3	0
3.1.3.3		Tiếng Nhật	8	8	0
17.	TNHAT 006	Tiếng Nhật căn bản 1	2	2	0
18.	TNHAT 007	Tiếng Nhật căn bản 2	3	3	0
19.	TNHAT 008	Tiếng Nhật căn bản 3	3	3	0
3.1.4		Toán học - Tin học	11	9	2
20.	TOAN 015	Đại số tuyến tính	2	2	0
21.	TOAN 017	Giải tích	2	2	0
22.	TOAN 008	Xác suất và thống kê	3	3	0
23.	TINCB 005	Tin học cơ bản	4	2	2
3.1.5		Kỹ năng mềm	3	2	1
24.	KNM 005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	3	2	1
3.1.6		Giáo dục thể chất	3	0	3
25.	GDTC	Giáo dục thể chất	3	0	3
3.1.7		Giáo dục quốc phòng và an ninh	8 TC (165 tiết)		
26.	GDQP	Giáo dục quốc phòng và an ninh	8 TC (165 tiết)		
3.2		KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	94		
3.2.1		Kiến thức cơ sở ngành	32	27	5
3.2.1.1		Phần bắt buộc	30	25	5
27.	QTDVDL 019	Phát triển nghề nghiệp du lịch và lữ hành	2	2	0
28.	VNH 039	Địa lý du lịch	3	2	1
29.	QTDVDL 014	Tổng quan du lịch	3	2	1
30.	QTKD 013	Kinh tế vi mô	3	2	1
31.	QTKD 014	Kinh tế vĩ mô	3	2	1
32.	QTDVDL 003	Môi trường và phát triển du lịch bền vững	2	2	0
33.	VNH 041	Di tích lịch sử văn hóa và danh thắng Việt Nam	3	2	1
34.	VNH 022	Pháp luật du lịch	2	2	0

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
35.	VNH 049	Tiến trình lịch sử Việt Nam	3	3	0
36.	QTKD 009	Quản trị học	3	3	0
37.	VNH 040	Các dân tộc Việt Nam	3	3	0
3.2.1.2		Phần tự chọn có hướng dẫn (<i>chọn 1 trong 3 học phần sau</i>)	2	2	0
38.	QTKD 019	Quản trị tài chính doanh nghiệp	2	2	0
39.	QTDVDL 021	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	2	2	0
40.	QTDVDL 025	Quản trị giá trong doanh nghiệp	2	2	0
3.2.2		Kiến thức ngành	42	28	14
41.	VNH 019	Tuyên điểm du lịch	3	2	1
42.	QTDVDL 010	Quản trị kinh doanh du lịch và lữ hành	3	2	1
43.	VNH 025	Kinh tế du lịch	2	2	0
44.	VNH 047	Lý thuyết nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3	3	0
45.	VNH 036	Marketing du lịch	3	2	1
46.	QTKD 029	Quản trị thương hiệu	3	2	1
47.	QTKD 105	Quản trị kinh doanh khách sạn nhà hàng	3	2	1
48.	QTDVDL 018	Nghiệp vụ thanh toán quốc tế	2	2	0
49.	VNH 034	Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	4	0	4
50.	QTDVDL 017	Kinh doanh du lịch trực tuyến	2	1	1
51.	QTDVDL 016	Xây dựng và điều hành chương trình du lịch	3	2	1
52.	QTDVDL 013	Tổ chức sự kiện và du lịch MICE	3	0	3
53.	QTDVDL 011	Quản trị quan hệ khách hàng	3	3	0
54.	QTDVDL 001	Quản trị nguồn nhân lực du lịch	2	2	0
55.	QTDVDL 022	Quản trị dịch vụ vận chuyển du lịch	3	3	0
3.2.3		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	20	0	20
56.	QTDVDL 401	Thực tập chuyên đề	3	0	3
57.	QTDVDL 403	Thực tập tốt nghiệp	7	0	7
58.	QTDVDL 402	Khóa luận tốt nghiệp (<i>hoặc học thêm 3 học phần chuyên môn sau</i>)	10	0	10
59.	QTDVDL024	Quản trị điểm đến du lịch	4	4	0
60.	QTDVDL 020	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	3	3	0
61.	VNH 038	Văn hóa ẩm thực	3	2	1
Tổng (tín chỉ)			146		

B. HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN VÀ HỌC PHẦN TỰ CHỌN TÙY Ý

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
I. Học phần điều kiện			11	9	2
I.1		Kỹ năng mềm	6	4	2
1	KNM 006	Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm	3	2	1

		kiểm việc làm			
2	KNM 007	Kỹ năng thích ứng, phân biện và tư duy sáng tạo	3	2	1
I.2		Ngoại ngữ (<i>chọn 1 trong 3 ngoại ngữ</i>)	5	5	0
3	TANH 034/ TTRUNG 018/ TNHAT 009	Tiếng Anh nâng cao/Tiếng Trung nâng cao 1/Tiếng Nhật nâng cao 1	2	2	0
4	TANH 027/ TTRUNG 019/ TNHAT 010	Tiếng Anh ngành QTDVDL&LH/Tiếng Trung nâng cao 2/ Tiếng Nhật nâng cao 2	3	3	0
II. Học phần tự chọn tùy ý			11	11	0
5	QTDVDL 026	Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch	3	3	0
6	QTDVDL 002	Lễ hội Việt Nam trong sự phát triển du lịch	2	2	0
7	QTDVDL 015	Văn hóa doanh nghiệp du lịch	2	2	0
8	VNH 037	Quy hoạch và phát triển du lịch	2	2	0
9	VNH 024	Du lịch sinh thái	2	2	0
Tổng (tín chỉ)			22	20	2

IV. Ma trận tích hợp học phần với chuẩn đầu ra CTĐT

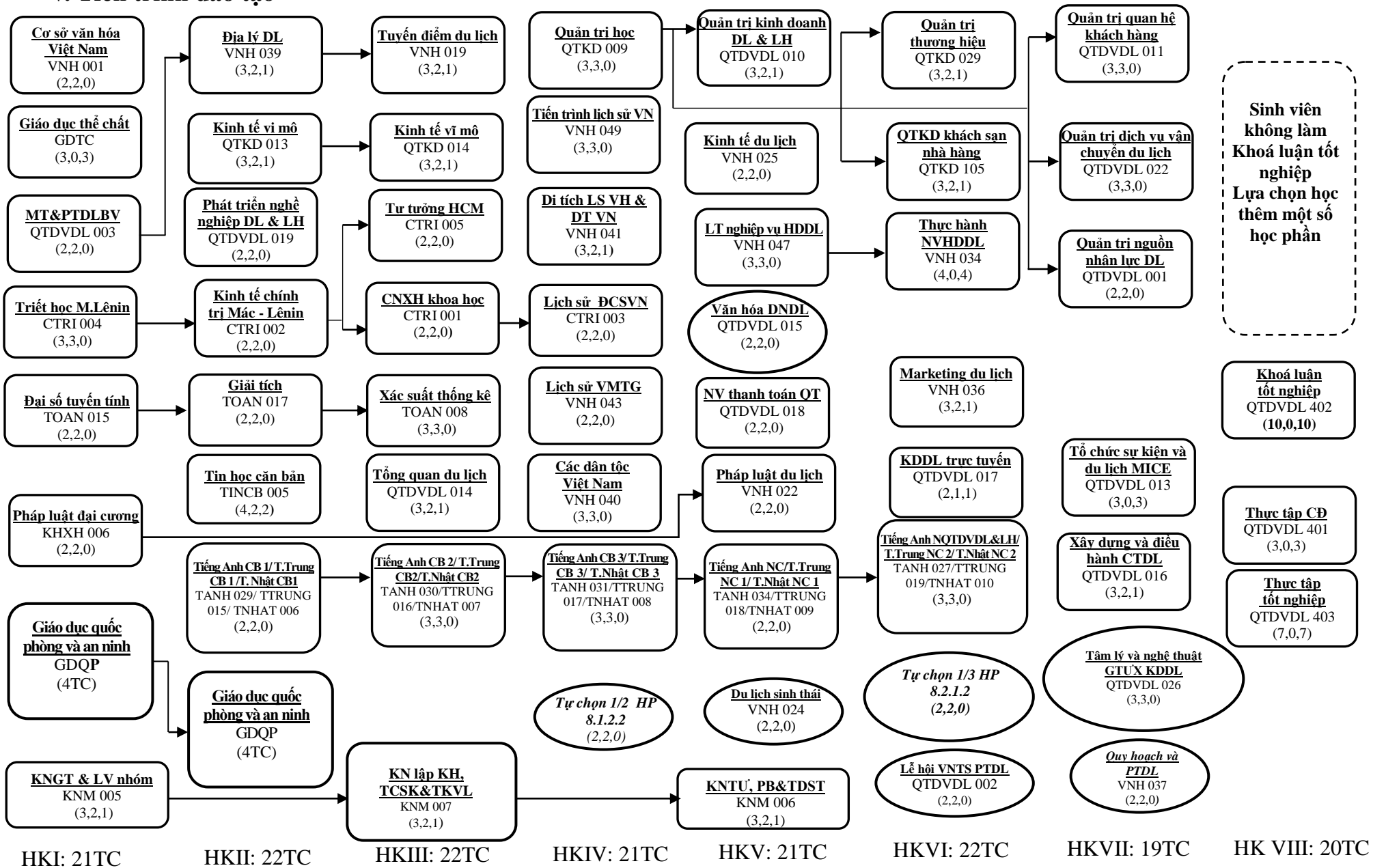
STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																	
			Kiến thức						Kỹ năng								Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.2.8	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
1.	CTRI 004	Triết học Mác - Lênin	2									3					4		4	
2.	CTRI 002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2									3					4		4	
3.	CTRI 001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2									3					4		4	
4.	CTRI 003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2									3					4		4	
5.	CTRI 005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2									3					4		4	
6.	KHXH 006	Pháp luật đại cương	2									3					4		4	
7.	VNH 043	Lịch sử văn minh thế giới			3					3							3			
8.	VNH 001	Cơ sở văn hóa Việt Nam			3					3							3			
9.	KHXH 007	Phương pháp nghiên cứu khoa học			3												3			
10.	KHXH 002	Khởi nghiệp kinh doanh				2				3				3			3	3		
11.	TANH 029	Tiếng Anh căn bản 1		3												3	3	3		
12.	TANH 030	Tiếng Anh căn bản 2		3												3	3	3		
13.	TANH 031	Tiếng Anh căn bản 3		3												3	3	3		
14.	TTRUNG 015	Tiếng Trung căn bản 1		3												3	3	3		
15.	TTRUNG 016	Tiếng Trung căn bản 2		3												3	3	3		
16.	TTRUNG 017	Tiếng Trung căn bản 3		3												3	3	3		
17.	TNHAT 006	Tiếng Nhật căn bản 1		3												3	3	3		
18.	TNHAT 007	Tiếng Nhật căn bản 2		3												3	3	3		
19.	TNHAT 008	Tiếng Nhật căn bản 3		3												3	3	3		
20.	TOAN 015	Đại số tuyến tính		3						2							2			
21.	TOAN 017	Giải tích		3						2							2			
22.	TOAN 008	Xác suất và thống kê		3						3							2			

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																	
			Kiến thức						Kỹ năng								Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.2.8	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
23.	TINCB 005	Tin học cơ bản		3												3	3			
24.	KNM 005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2								4	3					4		4	
25.	GDTC	Giáo dục thể chất	2								3						3			
26.	GDQP	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2								3						3			
27.	QTDVDL 019	Phát triển nghề nghiệp du lịch và lễ hành				2	3				3		3				3	3	3	
28.	VNH 039	Địa lý du lịch					3				3						3		3	
29.	QTDVDL 014	Tổng quan du lịch				2	3	3	4	3		3	3	3			3	3	3	3
30.	QTKD 013	Kinh tế vi mô				2	3	3									3			
31.	QTKD 014	Kinh tế vĩ mô				2	3	3									3			
32.	QTDVDL 003	Môi trường và phát triển du lịch bền vững					3			3		3	3				3		3	
33.	VNH 041	Di tích lịch sử văn hóa và danh thắng Việt Nam					3			3		4	3				3		3	
34.	VNH 022	Pháp luật du lịch					3			3			3				3		3	
35.	VNH 049	Tiền trình lịch sử Việt Nam					3			3			3				3		3	
36.	QTKD 009	Quản trị học				2	3		4	3		3	3				3	3	3	3
37.	VNH 040	Các dân tộc Việt Nam					3			3			3				3		3	
38.	QTKD 019	Quản trị tài chính doanh nghiệp				2	3	5	4	3	4	3	3				3	3	3	3
39.	QTDVDL 021	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch				2	3	6	4	3	5	5	3				3	3	3	3
40.	QTDVDL 025	Quản trị giá trong doanh nghiệp				2	3	3	4	3	4	5	3				3	3	3	3
41.	VNH 019	Tuyển điểm du lịch					3			3			3				3		3	3
42.	QTDVDL 010	Quản trị kinh doanh du lịch và				2	3	5	4	3	4	5	3		4		3	3	3	3

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																		
			Kiến thức						Kỹ năng								Mức tự chủ và trách nhiệm				
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.2.8	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4	
		lữ hành																			
43.	VNH 025	Kinh tế du lịch				2	3	3	4	3	3	3	3					3	3	3	3
44.	VNH 047	Lý thuyết nghiệp vụ hướng dẫn du lịch					3			3			3	3				3	3	3	3
45.	VNH 036	Marketing du lịch				2	3	3	4	3		3	3					3	3	3	3
46.	QTKD 029	Quản trị thương hiệu				2	3	6	4	3	4	5	3					3	3	3	3
47.	QTKD 105	Quản trị kinh doanh khách sạn nhà hàng				2	3	6	4	3	4	5	3		4			3	3	3	3
48.	QTDVDL 018	Nghiệp vụ thanh toán quốc tế				2	3	3		3		3	3					3	3	3	3
49.	VNH 034	Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch					3			3	3	3	3	3				3	3	3	3
50.	QTDVDL 017	Kinh doanh du lịch trực tuyến				2	3	6	4	3	4	5	3		4			3	3	3	3
51.	QTDVDL 016	Xây dựng và điều hành chương trình du lịch					3	6	4	3	4	5	3		4			3	3	3	3
52.	QTDVDL 013	Tổ chức sự kiện và du lịch MICE					3		4	3	4	5	3		4			3	3	3	3
53.	QTDVDL 011	Quản trị quan hệ khách hàng				2	3	5	4	3	4	5	3		5			3	3	3	3
54.	QTDVDL 001	Quản trị nguồn nhân lực du lịch				2	3	5	4	3	4	5	3		5			3	3	3	3
55.	QTDVDL 022	Quản trị dịch vụ vận chuyển du lịch				2	3	5	4	3	4	5	3		5			3	3	3	3
56.	QTDVDL 401	Thực tập chuyên đề				2	3	6	4				3	3	3			3		3	3
57.	QTDVDL 403	Thực tập tốt nghiệp				2	3	6	4				3	3	3			3		3	3
58.	QTDVDL 402	Khóa luận tốt nghiệp				2	3	6	4	3	3			4				3		3	3
59.	QTDVDL 024	Quản trị điểm đến du lịch				2	3	3	4	3	3	3	3	4	4			3	3	3	3
60.	QTDVDL 020	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch				2		3	4	3	3	3	3	4	4			3	3	3	3

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																	
			Kiến thức						Kỹ năng								Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.2.8	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
61.	VNH 038	Văn hóa ẩm thực				2	3			3		3	3	3			3	3	3	
62.	KNM 006	Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm	2									4	3				4		4	
63.	KNM 007	Kỹ năng thích ứng, phản biện và tư duy sáng tạo	2									4	3				4		4	
64.	TANH 034/ TTRUNG 018/ TNHAT 009	Tiếng Anh nâng cao/Tiếng Trung nâng cao 1 /Tiếng Nhật nâng cao 1		3											3		3		3	3
65.	TANH 027/ TTRUNG 019/ TNHAT 010	Tiếng Anh ngành QTDVDL&LH/ Tiếng Trung nâng cao 2/ Tiếng Nhật nâng cao 2		3										3			3		3	3
66.	QTDVDL 026	Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch					3			3			3	3			3	3	3	3
67.	QTDVDL 002	Lễ hội Việt Nam trong sự phát triển du lịch				2	3			3		3	3				3		3	
68.	QTDVDL 015	Văn hóa doanh nghiệp du lịch				2	3					3	3	3			3		3	3
69.	VNH 037	Quy hoạch và phát triển du lịch				2	3			3		4	4				3		3	
70.	VNH 024	Du lịch sinh thái				2	3			3		3	3				3		3	

V. Tiến trình đào tạo



VI. Nội dung các học phần

6.1. Mô tả các học phần

1. Triết học Mác - Lênin

Học phần Triết học Mác - Lênin giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Triết học và vấn đề cơ bản của triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; chủ nghĩa duy vật biện chứng: vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức; chủ nghĩa duy vật lịch sử: vai trò của triết học trong đời sống xã hội, chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử: học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, Nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người. Hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng cho sinh viên trong nhận thức và thực tiễn.

2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin; hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần Chủ nghĩa xã hội (CNXH) khoa học giới thiệu khái quát cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH, dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa, cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH, vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Giúp sinh viên nhận diện và giải quyết các vấn đề chính trị - xã hội nảy sinh trong thực tiễn quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam.

4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền từ năm 1930 - 1945; Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay). Hình thành cho sinh viên phương pháp tự học khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập. Giúp sinh viên nhận thức đúng đắn đường lối lãnh đạo của Đảng, và khả năng vận dụng đường lối của Đảng vào tiến trong học tập, cuộc sống.

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp cho sinh viên kiến thức về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung, quan

điểm cơ bản trong hệ thống tư tưởng của Người như: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân; về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người. Hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng cho sinh viên trong nhận thức và thực tiễn. Giúp sinh viên nhận thức đúng đắn các vấn đề của tự nhiên, xã hội và tư duy, hình thành quan điểm khoa học, lập trường cách mạng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

6. Pháp luật đại cương

Học phần Pháp luật đại cương giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật nói chung cũng như Nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng; về một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật Hiến pháp Việt Nam, Luật hành chính, Luật hình sự và tố tụng hình sự, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Pháp luật về Luật lao động và Bảo hiểm xã hội, Pháp luật kinh doanh. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam, từ đó sống, học tập và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

7. Lịch sử văn minh thế giới

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và có hệ thống về các nền văn minh lớn thời cổ - trung đại ở phương Đông, phương Tây và nền văn minh công nghiệp thời cận - hiện đại. Qua đó sinh viên có thể hiểu sâu hơn một số khái niệm liên quan đến học, phần nắm vững về cơ sở hình thành và những thành tựu nổi bật của một số trung tâm văn minh trên thế giới, tìm hiểu về phương pháp tiếp cận và nghiên cứu một nền văn minh, từ đó rút ra một số quy luật chung về quá trình hình thành và phát triển của văn minh nhân loại

8. Cơ sở văn hóa Việt Nam

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa Việt Nam: Những khái niệm cơ bản liên quan đến văn hóa, tiến trình lịch sử văn hóa Việt Nam, tôn giáo-tín ngưỡng ở Việt Nam và các vùng văn hóa trên cả nước. Qua đó, sinh viên có những kiến thức cơ bản làm nền tảng cho việc tiếp thu những môn chuyên ngành, vận dụng xây dựng những bài thuyết minh hướng dẫn du lịch.

9. Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về phương pháp thu thập dữ liệu và xử lý thông tin, trình bày luận điểm khoa học giúp cho sinh viên hình thành tư duy logic trong nghiên cứu khoa học. Từ đó, sinh viên biết xây dựng luận điểm, tìm kiếm luận cứ thông qua vận dụng các phương pháp thu thập thông tin và hoàn thiện về kỹ năng thuyết trình luận điểm khoa học.

10. Khởi nghiệp kinh doanh

Học phần Khởi nghiệp kinh doanh cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và cần thiết trong lĩnh vực kinh doanh như: Thảo luận về vấn đề quản trị doanh nghiệp mới, phân tích các đặc điểm doanh nghiệp, quản trị tính sáng tạo và tạo dựng

một doanh nghiệp thành công. Phương pháp hình thành ý tưởng kinh doanh, cách thức xây dựng bản kế hoạch và triển khai hoạt động kinh doanh. Cung cấp những kỹ năng cơ bản về tái lập doanh nghiệp

11. Tiếng Anh căn bản 1

Học phần Tiếng Anh căn bản 1 đề cập đến những từ vựng cơ bản về các chủ điểm: Nghề nghiệp, con người, nơi chốn, gia đình, thể thao, sức khỏe, đồ ăn, quần áo, máy tính và internet. Bên cạnh đó, sinh viên được củng cố các kiến thức ngữ pháp như: Động từ to be, đại từ nhân xưng; tính từ, đại từ sở hữu; giới từ chỉ thời gian, địa điểm; đại từ bất định... Phân biệt được các thời động từ: Hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ và phân biệt danh từ đếm được và không đếm được, các cấu trúc sử dụng với các dạng từ loại: Can, have got, there is/are, like... và một số loại cấu trúc câu hỏi.

12. Tiếng Anh căn bản 2

Học phần Tiếng Anh căn bản 2 đề cập đến những từ vựng cơ bản về các chủ điểm: Đồ ăn, quần áo, máy tính và internet, âm nhạc, lễ hội, công nghệ, phát minh, thời tiết, kỳ nghỉ, phương tiện giao thông, công việc, hoạt động, kỹ năng, thói quen văn hóa, chính trị. Bên cạnh đó, sinh viên được củng cố các kiến thức ngữ pháp như: Động từ to be, đại từ nhân xưng; tính từ, đại từ sở hữu; giới từ chỉ thời gian, địa điểm; đại từ bất định... Phân biệt được các thời động từ: quá khứ, hiện tại hoàn thành, cấu trúc so sánh, will và be going to, have to, mệnh lệnh thức, giới từ và phân biệt danh từ đếm được và không đếm được, các cấu trúc sử dụng với các dạng từ loại: Can, have got, there is/are, like... và một số loại cấu trúc câu hỏi.

13. Tiếng Anh căn bản 3

Học phần gồm 12 bài học về các chủ điểm: Cuộc sống của bạn, những sự kiện trong cuộc sống, phong cách, mục tiêu, sống khỏe, quy luật, sắp xếp thời gian, thể thao, công nghệ và cuộc sống, thế giới tự nhiên, thư giãn...

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các lĩnh vực:

Ngữ pháp: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức ngữ pháp về thì hiện tại đơn, và hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, và quá khứ tiếp diễn, thời hiện tại hoàn thành, thời tương lai đơn, các biện pháp so sánh hơn, so sánh hơn nhất, danh động từ và động từ nguyên thể, cách dùng động từ khuyết thiếu chỉ yêu cầu và lời khuyên, mệnh đề quan hệ, câu bị động và câu điều kiện...

Từ vựng: Cung cấp cho sinh viên từ loại về các chủ điểm liên quan đến nội dung bài học: Cuộc sống của bạn, những sự kiện trong cuộc sống, phong cách, mục tiêu, sống khỏe, quy luật, sắp xếp thời gian, thể thao, công nghệ và cuộc sống, thế giới tự nhiên, thư giãn...

Kỹ năng: Học phần luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ điểm bài học.

Kết cấu mỗi bài học gồm 4 phần, mỗi phần đều bao gồm 1 chủ đề về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp và phần luyện tập các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề từ vựng cũng như cấu trúc ngữ pháp đó. Kết thúc mỗi bài đều có phần củng cố và ôn tập lại toàn bộ nội dung bài học đó.

14. Tiếng Trung căn bản 1

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về ngữ âm và chữ viết tiếng Trung: Cách phát âm, cách viết các nét cơ bản, nét biến thể và quy tắc viết chữ Hán, từ vựng về các chủ điểm liên quan đến nội dung bài học: Làm quen, hỏi họ tên, hỏi địa điểm, đổi tiền, mua bán, ăn uống... và kiến thức ngữ pháp như: Cách sử dụng các từ 们, 也, 都, 在... cách đọc số tự nhiên và mã số, câu hỏi dùng “吗”, câu hỏi dùng đại từ nghi vấn, câu hỏi chính phủ, câu vị ngữ động từ, câu vị ngữ hình dung từ...

15. Tiếng Trung căn bản 2

Nội dung các bài cung cấp cho sinh viên các từ vựng, các cụm từ liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hàng ngày: Miêu tả đồ vật, giới thiệu gia đình, hoạt động ở thư viện và bưu điện, hoạt động hàng ngày, mua quần áo. Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp: Câu hỏi dùng 呢, câu hỏi lựa chọn, câu hỏi chính phủ, cụm từ chữ 的, từ hỏi số lượng, cụm từ số lượng, câu vị ngữ hình dung từ, câu vị ngữ chủ vị, câu vị ngữ hai tân ngữ, câu chữ 有, câu liên động, động từ lặp lại, cách nói giá tiền, số tự nhiên, cách biểu đạt sự tiến hành của động tác, cấu trúc 又...又..., 一点儿 và 有一点儿, 还是 và 或者. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài trong học phần.

16. Tiếng Trung căn bản 3

Học phần Tiếng Trung căn bản 3 cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

- Ngữ pháp: Câu vị ngữ danh từ, câu kiêm ngữ, động từ năng nguyện, trợ từ ngữ khí “了”, bổ ngữ trạng thái, câu hỏi dùng ngữ điệu nghi vấn, cách hỏi với “多”, phân biệt được cách dùng “以前” và “以后”, “离”, “从” và “往”, “再” và “又”, cách biểu đạt thời gian, phương hướng và vị trí (phương vị từ), cách biểu đạt sự tồn tại, cách hỏi nguyên nhân.

- Từ vựng: Các nhóm động từ, danh từ theo những chủ điểm khác nhau: Hoạt động hàng ngày, sở thích cá nhân, cách biểu đạt phương hướng, thời gian,...

- Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề liên quan đến công việc, đời sống,...

17. Tiếng Nhật căn bản 1

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về chữ viết (nhập môn Kana): Bảng chữ Hiragana và Katakana, các ghép âm, âm ngắt, trường âm, thể khẳng định, phủ định, nghi vấn của -desu; trợ từ -wa, -mo, -no; các đại từ chỉ định cùng với các cụm từ chào hỏi, làm quen, giới thiệu bản thân, danh từ chỉ nghề nghiệp, quốc tịch, đồ vật, số đếm, đồng thời học phần cung cấp các bài tập luyện kỹ năng nghe, nói, đọc, viết theo các chủ đề bài học.

18. Tiếng Nhật căn bản 2

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Chữ Kanji thường dùng.

- Ngữ pháp: Cách chia động từ ở các thể -masu, -masen, -mashita, -masendeshita, -masenka, -masho, tính từ đuôi -i và tính từ đuôi -na, trợ từ đi cùng với động từ, trạng từ chỉ mức độ, tần suất.

- Từ vựng: Chủ đề như ngày tháng, phương tiện giao thông, thể thao, mua sắm, ăn uống.

- Kỹ năng: Luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề cách đưa lời mời, cách nói sở thích, mô tả các hoạt động thường ngày của bản thân và đối tượng giao tiếp, các cách biểu thị sự đồng ý, tán thành, cách nói giờ giấc, ngày tháng.

19. Tiếng Nhật căn bản 3

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Chữ Kanji thường dùng.

- Ngữ pháp: Cách biến đổi danh từ, tính từ sang thì quá khứ, cấu trúc so sánh của tính từ, cách sử dụng trợ từ, lượng từ, giới từ chỉ vị trí, động từ -iru, -aru, động từ thể -tai, thể -te.

- Từ vựng: Chủ đề gia đình, ẩm thực, giải trí, âm nhạc, thể thao, thời tiết, cảm xúc, lễ hội và địa danh.

- Kỹ năng: Luyện tập nghe, nói, đọc, viết về sở thích, giải thích lý do, biểu thị ý muốn, mệnh lệnh, mô tả sự sở hữu, tồn tại của người và sự vật, so sánh, đếm đồ vật và các hoạt động thường ngày của bản thân và đối tượng giao tiếp.

20. Đại số tuyến tính

Học phần Đại số tuyến tính đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau: Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ, ánh xạ tuyến tính, dạng toàn phương.

21. Giải tích

Học phần Giải tích đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Hàm một biến số: Giới hạn, tính liên tục, đạo hàm, vi phân, phép tính tích phân hàm một biến.

- Hàm nhiều biến số: Giới hạn, tính liên tục, đạo hàm riêng, vi phân, cực trị, phương trình vi phân cấp một, phương trình vi phân cấp hai.

22. Xác suất và thống kê

Học phần Xác suất và thống kê đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Lý thuyết xác suất: giải tích tổ hợp, định nghĩa xác suất, các công thức xác suất, đại lượng ngẫu nhiên một chiều, đại lượng ngẫu nhiên hai chiều.

- Lý thuyết thống kê: lý thuyết mẫu, bài toán ước lượng tham số, bài toán kiểm định giả thuyết.

23. Tin học cơ bản

Học phần Tin học cơ bản cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về máy tính, hệ điều hành Windows, lưu trữ thông tin trên máy tính, kết nối và sử dụng tài nguyên và các dịch vụ trên Internet, xử lý một số sự cố liên quan đến máy tính và mạng, cách soạn

và trình bày văn bản trong thực tế yêu cầu. Đồng thời giới thiệu cách trình bày, tạo và xử lý dữ liệu bảng tính; xây dựng và trình chiếu bài thuyết trình để giải quyết các tình huống xảy ra trong thực tế.

24. Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm

Học phần Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm cung cấp những nội dung cơ bản về khái niệm, vai trò, các phương tiện và các kỹ năng giao tiếp như: Cách thức giao tiếp, các nguyên tắc trong giao tiếp; những khó khăn trong giao tiếp; các hình thức trong giao tiếp ứng xử trong nhà trường như: Giao tiếp, ứng xử với thầy cô, cán bộ, công nhân viên, ứng xử với khách đến liên hệ với trường; nội dung cơ bản về khái niệm, tầm quan trọng và các kỹ năng làm việc nhóm như: Cách thức và quy chế tổ chức nhóm, các nguyên tắc làm việc theo nhóm, quá trình làm việc theo nhóm, giải quyết vấn đề trong nhóm, đánh giá kết quả của nhóm; những khó khăn khi làm việc theo nhóm. Từ đó, sinh viên vận dụng trong quá trình học tập, rèn luyện và trong cuộc sống.

25. Giáo dục thể chất

Sinh viên chọn 1 trong 3 nội dung:

- *Bóng chuyền hơi*: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển, các quy định về sân bãi, dụng cụ thi đấu, luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu và một số kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền: kỹ thuật chuyền bóng thấp tay, kỹ thuật chuyền bóng cao tay, kỹ thuật phát bóng. Các bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn bóng chuyền.

- *Bóng đá*: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu và một số kỹ thuật nâng cao của môn bóng đá: kỹ thuật dẫn bóng luồn cọc sút cầu môn, kỹ thuật ném biên, kỹ thuật đá bóng bằng má trong bàn chân. Các bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn của bóng đá.

- *Khiêu vũ thể thao*: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: Lịch sử ra đời và phát triển môn khiêu vũ thể thao; luật khiêu vũ thể thao; các kỹ thuật cơ bản: thuật ngữ, vũ điệu Bachata, Chachacha và Beboop.

26. Giáo dục quốc phòng và an ninh

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh bao gồm những kiến thức cơ bản về nền quốc phòng toàn dân, an ninh Nhân dân, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh, nghệ thuật quân sự Việt Nam. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh Nhân dân. Đội ngũ đơn vị, sử dụng bản đồ, địa hình quân sự, một số loại vũ khí bộ binh; thuốc nổ; phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; cấp cứu ban đầu các vết thương. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; từng người trong chiến đấu tiến công; từng người trong chiến đấu phòng ngự.

27. Phát triển nghề nghiệp du lịch và lễ hành

Học phần Phát triển nghề nghiệp du lịch và lễ hành trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về công việc trong hoạt động nghề nghiệp quản trị kinh doanh lễ hành. Qua đó giúp sinh viên nhận thức đầy đủ và sâu sắc tầm quan trọng của định hướng phát triển nghề nghiệp trong tương lai, giúp cho người học xây dựng được các

kế hoạch học tập trong thời gian đào tạo chiến lược phát triển và tự hoàn thiện bản thân. Hình thành và phát triển các năng lực thực thi công việc của nghề nghiệp quản trị lễ hành.

28. Địa lý du lịch

Học phần trang bị những khái niệm về tài nguyên du lịch, những đặc điểm của các dạng tài nguyên du lịch, kết quả tổ chức lãnh thổ du lịch Việt Nam. Nêu và phân tích những tiềm năng trong phát triển du lịch theo các vùng du lịch. Bên cạnh đó, học phần cũng đề cập đến hiện trạng phát triển du lịch Việt Nam hiện nay.

29. Tổng quan du lịch

Nội dung học phần gồm 7 chương, trình bày những vấn đề cơ bản, hệ thống, tương đối ngắn gọn, dễ hiểu về những vấn đề cơ bản về du lịch như các định nghĩa được sử dụng trong lĩnh vực du lịch, thị trường du lịch, sản phẩm du lịch, các lĩnh vực kinh doanh trong du lịch, nhân lực, cơ sở vật chất kỹ thuật và các tác động của du lịch.

30. Kinh tế vi mô

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kinh tế học vi mô như: vấn đề khan hiếm; chi phí cơ hội; những vấn đề kinh tế cơ bản của doanh nghiệp; quy luật cung cầu; nguyên tắc lựa chọn của người tiêu dùng; lựa chọn sản xuất trong ngắn hạn và dài hạn của các loại hình doanh nghiệp; vấn đề cơ bản về thị trường các yếu tố sản xuất như vốn, lao động, đất đai; vai trò của chính phủ trong việc giải quyết những thất bại của kinh tế thị trường.

31. Kinh tế vĩ mô

Học phần Kinh tế vĩ mô nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự vận động của các biến số kinh tế vĩ mô. Rèn luyện cho sinh viên khả năng phân tích lý thuyết và nhận biết định lượng về sự biến động của các hiện tượng này và quá trình biến đổi kinh tế trong một nền kinh tế thị trường. Học phần sẽ trang bị những kiến thức cơ bản về chính sách vĩ mô của Nhà nước. Giúp sinh viên hiểu và vận dụng được vào việc phân tích sự biến động của nền kinh tế Việt Nam và trên thế giới.

32. Môi trường và phát triển du lịch bền vững

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vấn đề môi trường và sự phát triển, mối quan hệ giữa dân số với môi trường, các hoạt động phát triển đến môi trường. Học phần giới thiệu sự phát triển ảnh hưởng đến các tài nguyên. Mặc khác, học phần cũng nêu vấn đề ô nhiễm môi trường và việc bảo vệ tài nguyên và môi trường trong sự phát triển nhằm đảm bảo quá trình phát triển bền vững.

33. Di tích lịch sử văn hóa và danh thắng Việt Nam

Học phần trang bị những vấn đề chung về di tích lịch sử văn hóa và danh thắng Việt Nam như: hệ thống các loại hình di tích, đặc điểm, chức năng của từng loại hình di tích ở Việt Nam; Những tiêu chí và việc khai thác di tích trong hoạt động du lịch.

So sánh các loại hình di tích lịch sử văn hóa. Nhận biết được những điểm giống và khác nhau của di tích lịch sử văn hóa ở Việt Nam.

34. Pháp luật du lịch

Học phần gồm 4 chương trình bày về: đại cương về pháp luật và pháp luật du lịch, quản lý Nhà nước đối với hoạt động du lịch, Tổ chức doanh nghiệp du lịch và các thủ tục giấy tờ cần thiết khi đi du lịch nước ngoài.

35. Tiến trình lịch sử Việt Nam

Học phần trình bày các giai đoạn phát triển của lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến nay, phân biệt đặc điểm lịch sử của từng giai đoạn. Hiểu biết những giá trị lịch sử, văn hóa và kinh tế của mỗi giai đoạn lịch sử, truyền thống dựng nước và giữ nước của cha ông. Vận dụng kiến thức lịch sử để xây dựng các bài thuyết minh, thuyết trình về các di tích lịch sử, văn hóa. Vận dụng kiến thức lịch sử để hiểu biết sâu sắc hơn các công trình kiến trúc mang giá trị lịch sử văn hóa trên địa bàn các tỉnh, thành phố của Việt Nam. Vận dụng các kiến thức lịch sử để phục vụ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, thuyết minh tại tuyến điểm.

36. Quản trị học

Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản để có thể lãnh đạo, quản lý một tổ chức kinh doanh hoặc các tổ chức trong các lĩnh vực khác. Sau khi học xong học phần này, sinh viên nắm được các kiến thức và kỹ năng sau:

Hiểu quản trị là gì, biết những công việc của nhà quản trị.

Có kiến thức và kỹ năng để quản trị có hiệu quả.

37. Các dân tộc Việt Nam

Nội dung học phần gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm tộc người, tiêu chí công nhận tộc người, phân chia tộc người theo các nhóm ngữ hệ và đặc điểm văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần của một số dân tộc tiêu biểu của các nhóm ngữ hệ.

38. Quản trị tài chính doanh nghiệp

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp như: Quản trị các loại vốn trong doanh nghiệp, doanh thu, chi phí, lợi nhuận của doanh nghiệp, các phương thức huy động vốn qua thị trường tài chính và phương pháp thẩm định hiệu quả dự án đầu tư, phương pháp lập kế hoạch tài chính trong doanh nghiệp.

39. Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch

Học phần trang bị cho sinh viên các khái niệm cơ bản về chiến lược, quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch. Phân tích các yếu tố bên trong, bên ngoài có ảnh hưởng đến chiến lược của tổ chức du lịch. Xây dựng, đánh giá và lựa chọn chiến lược cho tổ chức du lịch. Thực thi chiến lược và kiểm tra, điều chỉnh chiến lược. Chiến lược du lịch trong môi trường toàn cầu.

40. Quản trị giá trong doanh nghiệp

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về: khái quát nội dung về giá cả và quản trị giá, các nhân tố trọng yếu trong thiết lập và quản lý giá. Các chiến lược giá mà doanh nghiệp có thể thiết lập cho các sản phẩm, dịch vụ là chiến lược giá hót vầng, chiến lược

giá xâm nhập, và chiến lược giá trung lập. Xác định các mức giá cụ thể cho sản phẩm theo các phân đoạn thị trường, các giai đoạn của chu kỳ sống sản phẩm. Các nội dung về các khía cạnh pháp lý và đạo đức trong quản trị giá sản phẩm ở doanh nghiệp.

41. Tuyển điểm du lịch

Học phần trang bị những khái niệm cơ bản về điểm, tuyến du lịch. Học phần trình bày các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình xây dựng điểm, tuyến du lịch và giới thiệu các chỉ tiêu đánh giá, xây dựng các điểm, tuyến du lịch. Mặt khác, học phần còn trình bày nguồn lực phát triển du lịch tại các vùng du lịch theo sơ đồ tổ chức lãnh thổ 7 vùng du lịch trong quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến 2025 và tầm nhìn 2030.

42. Quản trị kinh doanh du lịch và lữ hành

Học phần Quản trị kinh doanh du lịch và lữ hành cung cấp cho người học những kiến thức căn bản và kỹ năng nghiệp vụ trong lĩnh vực kinh doanh lữ hành; các vấn đề kinh tế và tổ chức các hoạt động trung gian cùng các hoạt động khác của công ty lữ hành trong quá trình phục vụ du lịch; phân tích được công tác hoạch định và lập kế hoạch kinh doanh lữ hành, tổ chức và điều hành hoạt động quản trị doanh nghiệp kinh doanh lữ hành các nhân tố tác động đến du khách; đánh giá được công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động kinh doanh lữ hành.

43. Kinh tế du lịch

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức về thị trường du lịch (cầu du lịch, cung du lịch và giá cả du lịch). Phân tích được hoạt động của doanh nghiệp du lịch trong mối tác động qua lại với môi trường kinh doanh. Đánh giá được khả năng sinh lời của một dự án đầu tư du lịch. Đưa ra được các giải pháp cơ bản nhằm phân tán rủi ro trong kinh doanh du lịch...

44. Lý thuyết nghiệp vụ hướng dẫn du lịch

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghề hướng dẫn du lịch, đặc điểm của đối tượng tham quan, chương trình tham quan, quy trình hướng dẫn tham quan du lịch và các kỹ năng nghiệp vụ hỗ trợ khác.

45. Marketing du lịch

Học phần sẽ giới thiệu khái quát lại kiến thức tổng quan về Marketing và ứng dụng của Marketing vào ngành dịch vụ du lịch. Sinh viên sẽ được tìm hiểu về phương thức phân tích, phát triển cơ hội thị trường; chiến lược marketing du lịch và nội dung công tác lập kế hoạch marketing cho đơn vị kinh doanh dịch vụ du lịch. Dựa trên kiến thức đã được trang bị, sinh viên sẽ ứng dụng vào thực tế nhằm phân tích và đề xuất chiến lược marketing cho một đơn vị kinh doanh dịch vụ du lịch cụ thể trên thị trường.

46. Quản trị thương hiệu

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản được sử dụng trong việc tạo dựng, phát triển, bảo hộ và quản lý thương hiệu của doanh nghiệp trên các phương tiện truyền thông đại chúng. Cụ thể: thiết kế được biểu tượng và khẩu hiệu; phân tích được

tiến trình hoạch định chiến lược phát triển thương hiệu; trình bày được quy trình đăng ký bảo hộ thương hiệu; vận dụng thực hiện kế hoạch quản trị một thương hiệu cụ thể.

47. Quản trị kinh doanh khách sạn nhà hàng

Học phần Quản trị kinh doanh khách sạn nhà hàng cung cấp cho người học: tổng quan về quản trị kinh doanh khách sạn nói chung, cung cấp cho người học toàn diện về quản trị lưu trú, ăn uống, nhân sự, tiêu thụ sản phẩm, các thông tin quyết định, quản lý về chất lượng phục vụ và quản lý các trang thiết bị hiệu quả trong quá trình kinh doanh khách sạn.

48. Nghiệp vụ thanh toán quốc tế

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về nghiệp vụ thanh toán quốc tế: nguyên tắc trong thanh toán quốc tế, điều kiện về thời gian thanh toán, địa điểm thanh toán, phương thức thanh toán và các nghiệp vụ thanh toán quốc tế.

49. Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về kỹ năng giới thiệu, kỹ năng kết thúc, cách thức xây dựng bài thuyết minh và có phương pháp hướng dẫn tham quan theo chuyên đề. Từ đó sinh viên tự rèn luyện kỹ năng và xử lý tình huống phù hợp.

50. Kinh doanh du lịch trực tuyến

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môi trường trong du lịch, những thành phần của công nghệ thông tin và việc sử dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực du lịch. Phân biệt được các trang mạng xã hội và sử dụng kỹ thuật số trong du lịch và khách sạn.

51. Xây dựng và điều hành chương trình du lịch

Học phần xây dựng chương trình du lịch gồm 4 chương, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chương trình du lịch như các đặc điểm của chương trình du lịch, nguyên tắc, yêu cầu đối với chương trình du lịch; quy trình xây dựng chương trình du lịch; xây dựng ý tưởng và tuyến hành trình cho chương trình du lịch; xây dựng các phương án vận chuyển, lưu trú, ăn uống; tính giá thành và chi tiết hoá chương trình du lịch. Trên cơ sở đó người học có thể thực hiện được việc xây dựng và hoàn thiện các chương trình du lịch đáp ứng nhu cầu cụ thể của khách hàng và thị trường.

52. Tổ chức sự kiện và du lịch MICE

Học phần bao gồm 4 bài với mục đích cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về dịch vụ hội nghị hội thảo, kế hoạch tổ chức và điều hành dịch vụ hội nghị, hội thảo. Quản lý được các chi phí và doanh thu từ dịch vụ hội nghị hội thảo, quy trình phục vụ các loại hình hội nghị, hội thảo.

53. Quản trị quan hệ khách hàng

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng thể về quản trị quan hệ khách hàng (CRM) gồm chiến lược, những đo lường marketing, tổ chức, sử dụng cơ sở dữ liệu khách hàng,... Qua việc phối hợp lý thuyết và thực hành, học phần giúp sinh viên trả lời được những câu hỏi như: thế nào là CRM?, CRM giúp đạt được gì và như thế nào? Cách thức thực hiện chiến lược CRM trong tổ chức? Sinh viên nắm được các khái niệm cốt lõi trong CRM; hiểu được cách áp dụng các thành tố trong mô hình

IDIC để tạo ra và quản trị quan hệ khách hàng hiệu quả; thực hiện được những đo lường marketing theo khách hàng; sử dụng được cơ sở dữ liệu khách hàng hiệu quả thực thi chiến lược CRM; tăng kỹ năng làm việc nhóm, thảo luận và bảo vệ các chiến lược về CRM.

54. Quản trị nguồn nhân lực du lịch

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vai trò quản trị nhân lực trong tổ chức hay doanh nghiệp, chiến lược của tổ chức về quản trị nhân sự và các quan hệ dân sự đồng thời thực hiện chính sách lao động tiền lương đối với người lao động.

Sau khi học xong học phần này, sinh viên nắm được các kiến thức và kỹ năng sau:

Phân tích được chiến lược phát triển của doanh nghiệp, từ đó đưa ra các biện pháp để quản lý người lao động, giúp người lao động gắn bó với doanh nghiệp.

Có kiến thức và kỹ năng để quản trị nhân lực có hiệu quả.

55. Quản trị dịch vụ vận chuyển du lịch

Học phần Quản trị dịch vụ vận chuyển du lịch nhằm cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về dịch vụ vận chuyển, dịch vụ vận chuyển du lịch, kinh doanh dịch vụ vận chuyển du lịch, các loại hình vận chuyển, chủ sở hữu đối với phương tiện vận chuyển; hiệu suất kinh doanh kinh doanh; các dịch vụ và tiện nghi trong kinh doanh dịch vụ vận chuyển, chất lượng dịch vụ vận chuyển tàu bay, tàu thủy, tàu hỏa, ô tô....

56. Thực tập chuyên đề

Thực tập chuyên đề là học phần nhằm tạo điều kiện cho sinh viên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành có cơ hội tiếp cận với thực tế nghề nghiệp; giúp sinh viên làm quen với công việc của một nhà quản trị trong tương lai; vận dụng các kiến thức đã học vào thực tế nghề nghiệp.

57. Thực tập tốt nghiệp

Học phần nhằm củng cố kiến thức chuyên ngành trên cơ sở liên hệ với thực tế tại các doanh nghiệp, công ty; rèn luyện kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ của chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; rèn luyện khả năng làm việc độc lập, khả năng làm việc theo nhóm, rèn luyện tác phong làm việc và đạo đức nghề nghiệp.

Sinh viên hoàn thành báo cáo thực tập theo chuyên đề được giao.

58. Quản trị điểm đến du lịch

Học phần quản trị điểm đến du lịch cung cấp cho sinh viên những lý luận cơ bản về điểm đến du lịch, bao gồm kiến thức khái quát về điểm đến du lịch và quản lý điểm đến du lịch, tổ chức quản lý điểm đến du lịch và các nội dung quản lý điểm đến du lịch; chiến lược và quy hoạch phát triển điểm, marketing điểm đến du lịch, cạnh tranh điểm đến du lịch, phát triển sản phẩm điểm đến du lịch, định vị điểm đến du lịch, thương hiệu điểm đến du lịch, xúc tiến điểm đến du lịch; chất lượng điểm đến du lịch.

59. Quản trị chất lượng dịch vụ

Học phần cung cấp những kiến thức giúp người học nắm được các nội dung về dịch vụ và quá trình dịch vụ. Phân tích được tầm quan trọng sự hài lòng của

khách hàng và các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng. Vận dụng đánh giá chất lượng dịch vụ của các cơ sở kinh doanh du lịch. Xây dựng phương án khai thác điểm mạnh, khắc phục điểm yếu của doanh nghiệp du lịch để nâng cao chất lượng dịch vụ.

60. Văn hóa ẩm thực

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa ẩm thực Việt Nam và thế giới như một số quốc gia ở khu vực châu Á, châu Âu và châu Mỹ.

Những đặc điểm của ẩm thực gắn với tôn giáo và vai trò của ẩm với du lịch Việt Nam.

61. Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm

Học phần Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về 2 kỹ năng: Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện cung cấp những kiến thức cơ bản về khái niệm, vai trò của kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện. Hình thành cho sinh viên kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức sự kiện, qua đó sinh viên vận dụng lập kế hoạch trong học tập, rèn luyện, trong cuộc sống và tổ chức được một số sự kiện. Kỹ năng tìm kiếm việc làm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Khái niệm, kỹ năng tìm kiếm việc làm, quá trình tìm việc làm; đánh giá năng lực bản thân, xác định mục tiêu nghề nghiệp, tìm kiếm cơ hội việc làm, kỹ năng chuẩn bị hồ sơ xin việc, chuẩn bị tốt cho buổi phỏng vấn, tham dự phỏng vấn, sau buổi phỏng vấn, thương lượng về lương bổng và các quyền lợi khác các bước chuẩn bị cho công việc mới. Từ đó, sinh viên phát huy hiệu quả kiến thức đã học để phát triển tiềm năng cá nhân, đáp ứng với yêu cầu việc làm của xã hội.

62. Kỹ năng thích ứng, phản biện và tư duy sáng tạo

Học phần Kỹ năng thích ứng, phản biện và tư duy sáng tạo cung cấp những nội dung cơ bản về khái niệm, vai trò và các kỹ năng thích ứng như: kỹ năng thích ứng trong học tập; kỹ năng thích ứng với môi trường làm việc; các giải pháp rèn luyện kỹ năng thích ứng như: xác định tư tưởng, thường xuyên giả định các trường hợp có thể xảy ra, luôn khám phá và kích thích sự sáng tạo, đối diện với thử thách, chấp nhận thay đổi để thích ứng với mọi hoàn cảnh trong cuộc sống. Nội dung cơ bản về khái niệm, vai trò, đặc điểm của người có kỹ năng phản biện, rèn luyện kỹ năng phản biện, trau dồi kiến thức cho bản thân thường xuyên, rèn luyện kỹ năng phân tích, kỹ năng phản biện khi giao tiếp, nâng cao khả năng sáng tạo, cách giải quyết vấn đề, rèn luyện để có cách nhìn khách quan, hình thành thói quen đặt câu hỏi, việc sử dụng sơ đồ. Nội dung kỹ năng tư duy sáng tạo gồm khái niệm, đặc điểm và lợi ích của tư duy sáng tạo, các loại tư duy sáng tạo, phẩm chất của tư duy sáng tạo, quy trình và phương pháp tư duy sáng tạo; các bước trong quy trình tư duy sáng tạo, phương pháp tư duy sáng tạo. Từ đó, sinh viên vận dụng các kỹ năng vào quá trình học tập, rèn luyện và trong cuộc sống.

63. Tiếng Anh nâng cao

Học phần Tiếng Anh nâng cao cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

- Ngữ pháp: Cách sử dụng động từ, giới từ, liên từ, trạng từ, các thì của động từ, sự hòa hợp của chủ ngữ với động từ, trợ từ, đại từ quan hệ, danh động từ, động từ nguyên thể, so sánh.

- Từ vựng: Các nhóm động từ, danh từ theo những chủ điểm khác nhau: Giao tiếp, giao dịch, thể thao, giải trí, ăn uống.

- Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề liên quan đến công việc, đời sống.

64. Tiếng Trung nâng cao 1

Nội dung các bài cung cấp cho sinh viên các từ vựng bài khóa liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hàng ngày như: học tập, thi cử, sở thích về âm nhạc, thời tiết... Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp: diễn tả sự hoàn thành của động tác, cấu trúc câu nguyên nhân kết quả “因为 ...所以...”, câu bổ ngữ xu hướng, câu so sánh hơn 比, hơn nhất “最”, so sánh bằng “有”, so sánh giống nhau “跟 一样”, diễn đạt hành động/động tác sắp xảy ra “要了”、“就要....了”、“快要....了”. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

65. Tiếng Nhật nâng cao 1

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Chữ Kanji thường dùng.

- Ngữ pháp: Danh từ, động từ, tính từ ở các thể lịch sự và thể thông thường, các thể của động từ: Thể khả năng -dekiru, thể bắt buộc -naide, thể nguyên dạng, thể quá khứ -ta.

- Từ vựng: Chủ đề cơ thể và bệnh tật, sở thích, văn hóa truyền thống và giải trí

- Kỹ năng: Luyện tập nghe, nói, đọc, viết sử dụng các cấu trúc trong bài học biểu thị kinh nghiệm, trải nghiệm và mô tả được sự biến đổi, phát triển của sự vật, hiện tượng, mệnh lệnh phủ định, sự bắt buộc hoặc không cần thiết thực hiện hành động, câu thăm hỏi và đưa lời mời, mô tả khả năng, sở thích, hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi.

66. Tiếng Anh ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

Học phần gồm 15 bài học về các chủ điểm khác nhau như các loại khách sạn, nhà hàng, đội ngũ điều hành và nhân viên khách sạn, các tiện nghi và trang thiết bị trong khách sạn, các dịch vụ trong khách sạn như dịch vụ phòng, dịch vụ ăn uống, quán bar, nhà hàng, dịch vụ thể thao, làm đẹp. Mỗi bài học được kết cấu gồm nhiều hoạt động làm việc theo cặp, theo nhóm và cá nhân nhằm phát triển kỹ năng của sinh viên về các chủ đề của bài học.

67. Tiếng Trung nâng cao 2

Nội dung các bài cung cấp cho sinh viên các từ vựng bài khóa liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hàng ngày như: đi tham quan, du lịch, học tập, thể thao, chụp ảnh, miêu tả người... Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ

đơn giản đến phức tạp: câu bỏ ngữ kết quả, trợ từ động thái “了”、“着”、“过”, bỏ ngữ động lượng, biểu đạt số thứ tự, cấu trúc “一 ... 就.....”, “是 的”, tính từ lặp lại, vị ngữ chủ vị, câu bị động, lặp lại lượng từ, bỏ ngữ xu hướng kép, trợ từ động thái “着”. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

68. Tiếng Nhật nâng cao 2

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Chữ Kanji thường dùng.

- Ngữ pháp: Danh từ, động từ, tính từ ở các thể lịch sự và thể thông thường, các thể của động từ: Thể khả năng -dekiru, thể bắt buộc -naide, thể nguyên dạng, thể quá khứ -ta, cách nói trần thuật, nêu suy nghĩ, phán đoán, mệnh đề bổ nghĩa cho danh từ.

- Từ vựng: Chủ đề cơ thể và bệnh tật, sở thích, văn hóa truyền thống và giải trí

- Kỹ năng: Luyện tập nghe, nói, đọc, viết sử dụng các cấu trúc trong bài học biểu thị kinh nghiệm, trải nghiệm và mô tả được sự biến đổi, phát triển của sự vật, hiện tượng, mệnh lệnh phủ định, sự bắt buộc hoặc không cần thiết thực hiện hành động, câu thăm hỏi và đưa lời mời, mô tả khả năng, sở thích, hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi.

69. Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch

Trình bày về hoạt động tâm lý dưới góc độ là một ngành khoa học theo nhìn nhận và đánh giá của các nhà khoa học cổ đại và hiện đại. Hoạt động nhận thức, đưa ra các khái niệm và đặc điểm của cảm giác, tri giác, tư duy, tưởng tượng, ngôn ngữ và nhận thức. Nhân cách, khái niệm, đặc điểm và quá trình hình thành và phát triển của nhân cách. Đời sống tình cảm, trình bày về các quy luật hình thành và phát triển của đời sống tình cảm con người. Một số vấn đề cơ bản về tâm lý xã hội và tâm lý du lịch. Nêu ra các khái niệm, mối quan hệ của tâm lý xã hội và tâm lý du lịch. Những đặc điểm tâm lý chung của khách du lịch. Đưa ra các đặc điểm về hành vi tiêu dùng, nhu cầu, động cơ và sở thích của khách du lịch. Đặc điểm tâm lý củ khách du lịch theo quốc gia, dân tộc và nghề nghiệp. Những đặc điểm tâm lý của người lao động trong du lịch.

70. Lễ hội Việt Nam trong sự phát triển du lịch

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về lễ hội bao gồm: những nghi thức, nghi lễ và các hoạt động trong lễ hội, các loại hình lễ hội ở Việt Nam và vai trò của lễ hội trong sự phát triển du lịch. Qua học phần này sinh viên biết trân trọng, giữ gìn, bảo tồn giá trị truyền thống văn hóa Việt Nam và phục vụ cho công việc sau khi ra trường.

71. Văn hóa doanh nghiệp du lịch

Học phần Văn hóa doanh nghiệp du lịch trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động giao tiếp, một số kỹ năng giao tiếp cơ bản, phương pháp ứng xử tiêu biểu, hình thức giao tiếp phổ biến và một số kỹ năng giao tiếp với đồng nghiệp

trong và ngoài doanh nghiệp. Thông qua các kỹ năng được học sinh viên hiểu rõ hơn về cách thức giao tiếp và có kỹ năng giao tiếp tốt hơn.

72. Quy hoạch và phát triển du lịch

Học phần trang bị cơ sở lý luận về quy hoạch vùng nói chung và quy hoạch phát triển du lịch nói riêng. Học phần đề cập đến các nội dung chính trong quy hoạch du lịch quốc gia và vùng và các kết quả quy hoạch du lịch ở Việt Nam.

73. Du lịch sinh thái

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về du lịch sinh thái, những đặc điểm, yêu cầu và những nguyên tắc của loại hình du lịch sinh thái. Những tiềm năng về tài nguyên và hiện trạng phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam.

6.2. Đề cương chi tiết học phần (có phụ lục kèm theo)

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên